

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

V/v: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Vân; ông Cao Văn Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2023/TLST-HNGĐ ngày 13-10-2023 về việc: Ly hôn, con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-12-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thu N, sinh năm 1985, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn Y, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- **Người làm chứng:** Bà Lê Thị H1, sinh năm 1956; Cư trú tại thôn Y, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- Trưởng thôn và Chi hội phụ nữ thôn Y, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thu N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 05-11-2002. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, thường xuyên đánh cãi chửi nhau.

Chị đã có đơn gửi ra Ủy ban nhân dân xã V và đã được hòa giải sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân 05 năm, không quan tâm trách nhiệm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh H. Vì bận công việc, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Dương H2, sinh ngày 27/12/2003 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/7/2008. Hiện nay con H2 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin nuôi con Nguyễn Minh A, tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị làm nghề may tự do có thu nhập ổn định nên không gặp khó khăn trong quá trình nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố ý không đến Tòa làm việc và không có bản tự khai trình bày quan điểm về việc chị N xin ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức...

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/11/2023, người làm chứng bà Lê Thị H1 (mẹ đẻ của anh H) trình bày: Vợ chồng anh chị N, H tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 05/11/2002. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N nghi ngờ, không tin tưởng anh H nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị N đã làm đơn gửi ra Ủy ban nhân dân xã V, Ủy ban nhân dân xã đã hòa giải về đoàn tụ được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị đã ly thân khoảng 05 năm nay, không quan tâm, trách nhiệm với nhau. Anh H hiện đi làm ăn tại Hải Phòng nhưng khi đi, khi về vẫn ăn ở sinh sống cùng bà ở thôn Y, xã V. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết, thông qua bà, anh H đồng ý ly hôn và nhất trí giao con cho chị N nuôi, nếu chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng anh H nhất trí. Anh H không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung, công sức.

Xác minh với trưởng thôn và chi hội phụ nữ thôn cung cấp như sau: Anh chị N H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 05/11/2002. Sau ngày cưới anh chị chung sống cùng bà Lê Thị H1 (mẹ đẻ anh H). Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến mâu thuẫn, chị N đã làm đơn gửi ra Ủy ban nhân dân xã và đã được hòa giải, anh chị về đoàn tụ một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống mỗi người một nơi, anh H sống cùng mẹ đẻ còn chị N sống cùng các con ở nhà riêng. Anh chị đã ly thân thời gian đã lâu. Nay chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: anh chị có 02 con chung, cháu H2 đã thành niên; cháu A đang ở với chị N, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị áp dụng Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thu N ly hôn anh Nguyễn Thanh H. Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/7/2008 cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên, bị đơn đều đã được giao hợp lệ các văn bản tố tụng, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu N và anh Nguyễn Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 05/11/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vì bất đồng quan điểm sống, hai bên không tin tưởng nhau về tình cảm. Trước đó chị N đã có đơn xin ly hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V hòa giải, vợ chồng đã về đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng đã ly thân 5-6 năm. Hai bên không quan tâm trách nhiệm với nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, thông qua bà H1 (mẹ đẻ anh H), anh H đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử cho chị Nguyễn Thu N ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Dương H2, sinh ngày 27/12/2003 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/7/2008. Hiện nay con H đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N xin nuôi con Nguyễn Minh A và cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với chị N, cần tiếp tục giao cháu Minh A cho chị N nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị N có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thu N ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/7/2008 cho chị Nguyễn Thu N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 2/2024 đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thu N phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^d theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000946 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.*(chị N đã thi hành xong án phí)*

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài

